VIETNAM DAILY REVIEW

VN-Index đánh mất mốc 1,700 điểm, lùi về kiểm định vùng đáy tháng 10

Thứ Năm, Ngày 19 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,689.62	1,788.51	238.94	120.36
▼ -13.39 (-0.79%)	▼ -18.03 (-1.00%)	▼ -3.79 (-1.56%)	▼ -0.76 (-0.63%)
GTKL (TỶ): 9,351	GTKL (TỶ): 5,128	GTKL (TỶ): 584	GTKL (TỶ): 226
SO TB20: -22.1%	SO TB20: -19.3%	SO TB20: -12.9%	SO TB20: -43.7%
NN (TỶ): -995.6	NN (TỶ): -809.2	NN (TỶ): +0.5	NN (TỶ): -5.2

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Thị trường giảm hơn 13 điểm trong phiên hôm nay và lùi về đóng cửa tại mức 1,689.62 điểm (-0.79%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó Công nghệ thông tin giảm mạnh nhất, theo sau là Bảo hiểm và Bất động sản. Ở chiều ngược lại, Hàng & Dịch vụ Công nghiệp là ngành có hiệu suất tích cực nhất, bám sát bởi Hóa chất và Du lịch & Giải trí. Về giao dịch khối ngoại, khối này bán ròng trên HSX, UPCoM và mua ròng trên HNX. Về mặt kỹ thuật, VN-Index đánh mất ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1,700 điểm, đồng thời lùi về sát dải dưới Bollinger Bands (1,689.77 điểm). Trong những phiên tới, chỉ số nhiều khả năng sẽ kiểm định lại vùng hỗ trợ đáy tháng 10 quanh 1,677 – 1,680 điểm; việc giữ vững vùng này sẽ mở ra khả năng hình thành mô hình hai đáy ngắn hạn. Ngược lại, nếu vùng hỗ trợ trên bị xuyên thủng, vùng hỗ trợ tiếp theo sẽ nằm tại 1,650 – 1,660 điểm, tương ứng vùng đáy tháng 7.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều giảm.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 19/11/2026, phần lớn các chứng quyền giảm.

Điểm nhấn

- VN-Index **-13.39** điểm, đóng cửa tại 1,689.62 điểm. HNX-Index **-3.79** điểm, đóng cửa tại 238.94 điểm. UPCoM-Index **-0.76** điểm, đóng cửa tại 120.36 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: HVN (**+0.61**), GEE (**+0.42**), BID (**+0.24**), NAB (**+0.19**), GVR (**+0.17**).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (**-7.96**), CTG (**-0.80**), VHM (**-0.69**), BSR (**-0.56**), LPB (**-0.49**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 9,351 tỷ đồng, giảm 16.60% so với phiên trước và thấp hơn 22.1% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 15,035 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.7 điểm. Sàn HOSE có 107 mã tăng (3 mã trần), 94 mã tham chiếu, 206 mã giảm (11 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-995.58** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FPT (**-272.11** tỷ), ACB (**-101.56** tỷ), VIX (**-70.82** tỷ), VIC (**-58.00** tỷ), VCB (**-55.19** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 3 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-126,034** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **+0.47** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-5.20** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
SHS	27.31	FPT	-272.11
TCB	17.12	ACB	-101.56
NKG	15.74	VIX	-70.82
HPG	14.88	VIC	-58.00
MSN	13.58	VCB	-55.19

HOSE luỹ kế năm: **-126,034** tỷ 3 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,324	-0.23%	-3.88%
FTSE100	10,551	-1.30%	-2.62%
Eurostoxx	6,154	-0.93%	-3.74%
Shanghai	3,578	-0.28%	-2.14%
Nikkei	59,444	+0.71%	-2.26%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	92.54	+0.64%	-3.42%
Giá vàng	3,738	+0.34%	-3.59%
USD/VND	25,737	+0.17%	+0.21%
EUR/VND	28,255	+0.20%	-0.49%
JPY/VND	161	-0.07%	+0.30%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	-0.4 bps	-0.5 bps
VN LS LNH 1M	5.78%	+28.3 bps	+38.3 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
HVN	23.10	+4.05%	+0.61	2.83
GEE	61.50	+5.13%	+0.42	1.31
BID	30.55	+0.49%	+0.24	2.42
NAB	12.90	+3.20%	+0.19	3.22
GVR	27.40	+0.74%	+0.17	0.54

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	240.00	-2.04%	-7.96	1.79
CTG	30.00	-1.64%	-0.80	6.87
VHM	60.40	-0.66%	-0.69	3.53
BSR	23.50	-2.29%	-0.56	6.07
LPB	34.20	-2.29%	-0.49	109.52

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
NVB	14.90	+1.36%	+0.34	0.58
SHS	13.20	+1.54%	+0.10	7.91
VIT	21.90	+5.29%	+0.05	1.70
CAR	145.50	+9.98%	+0.05	0.00
NTP	52.90	+0.76%	+0.05	0.10

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
THD	68.90	-9.93%	-3.58	0.07
KSF	67.50	-0.59%	-0.21	0.08
KSV	97.00	-1.22%	-0.20	0.03
TET	45.00	-10.00%	-0.16	0.01
PVS	26.60	-1.12%	-0.10	2.42

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIB	13.50	+0.37%	+0.07	11.41
GVR	27.40	+0.74%	+0.06	0.54
BID	30.55	+0.49%	+0.05	2.42
MCH	132.30	+0.08%	+0.05	0.30
VPL	94.50	0.00%	0.00	0.23

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	240.00	-2.04%	-4.73	1.79
FPT	45.70	-2.66%	-3.14	20.50
STB	69.00	-1.71%	-1.62	1.47
LPB	34.20	-2.29%	-1.61	109.52
VNM	51.10	-1.73%	-1.32	3.09

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
CCC	5.67	+6.98%	0.00
HCD	6.04	+6.90%	0.03
TNC	28.85	+6.85%	0.00
CMV	7.26	+6.76%	0.00
TSA	9.86	+6.02%	0.01

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
PTC	4.79	-6.99%	0.00
VRC	11.35	-6.97%	0.00
RYG	6.95	-6.96%	0.15
DCL	38.10	-6.96%	0.09
HSL	6.96	-6.95%	0.99

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
MED	19.80	+10.00%	0.00
CAR	145.50	+9.98%	0.00
KST	12.90	+9.32%	0.00
PCE	17.80	+9.20%	0.00
SMT	10.30	+8.42%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
TET	45.00	-10.00%	0.01
THD	68.90	-9.93%	0.07
KDM	19.20	-9.86%	0.01
PBP	9.30	-9.71%	0.00
VCM	5.60	-9.68%	0.00

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

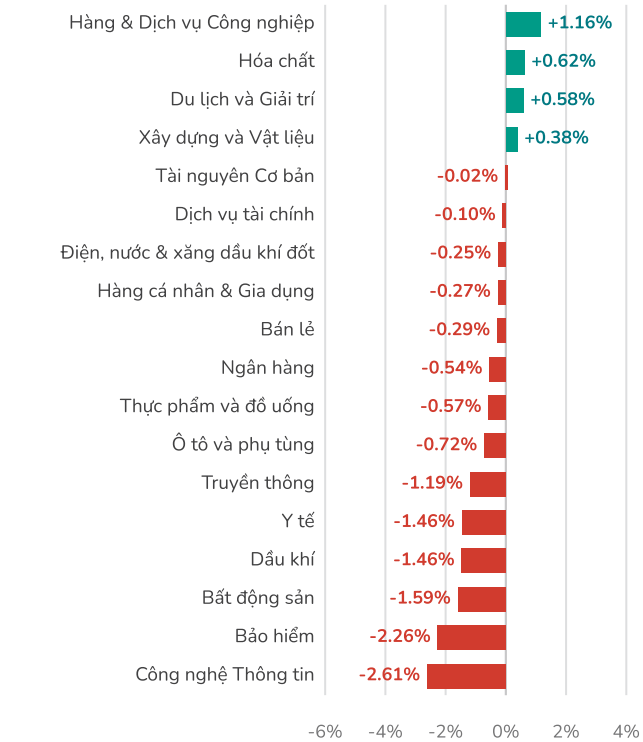
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,735.16 TB20 GT khớp lệnh: 11,999 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

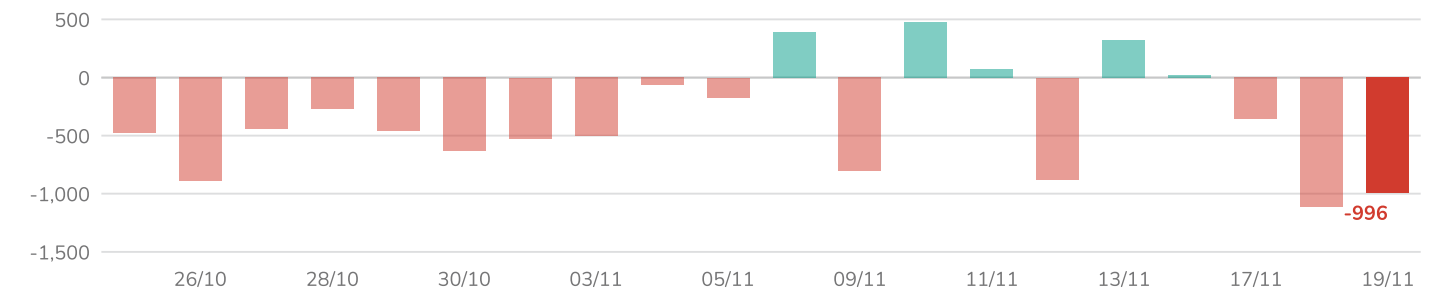
Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.25%	386	30.7
Tài nguyên Cơ bản	-0.02%	466	21.3
Bảo hiểm	-2.26%	45	10.5
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	+1.16%	679	-29.6
Dầu khí	-1.46%	622	-33.1
Thực phẩm và đồ uống	-0.57%	750	-33.6
Bất động sản	-1.59%	1,650	-153.8
Dịch vụ tài chính	-0.10%	1,477	-157.0
Công nghệ Thông tin	-2.61%	952	-272.8
Ngân hàng	-0.54%	6,600	-413.4

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	-1.00%	9,569	-809.2
VNMID	+0.06%	4,735	-199.7
VNSML	-0.28%	510	4.8

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

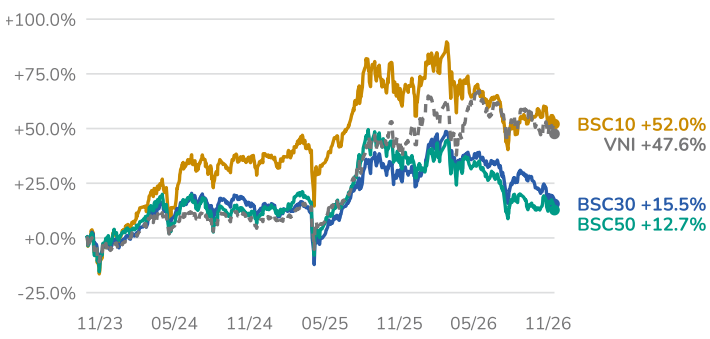
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.59%**. Các mã diễn biến tích cực: DBC (+0.90%), DCM (+0.84%), HSG (+0.49%).
- BSC50 **-0.19%**. Các mã diễn biến tích cực: NAB (+3.20%), CTD (+2.98%), VGC (+2.14%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-0.59%	-0.19%	-0.79%	-1.00%
1 tuần	-3.16%	-3.52%	-2.60%	-2.77%
1 tháng	-5.52%	-4.92%	-4.03%	-5.52%
3 tháng	-4.22%	-4.47%	-2.57%	-5.22%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	72.1	-0.69%	1.1	106,398	458.6	7,556	9.5	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.4	0.00%	1.0	24,909	121.1	1,859	14.2	42.4	6.0%	Link
KDH	Bất động sản	15.8	-2.17%	1.0	19,676	166.7	1,374	11.5	39.9	24.1%	Link
PDR	Bất động sản	11.3	-0.88%	1.0	11,275	37.5	540	20.9	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	60.4	-0.66%	1.8	496,175	212.5	12,039	5.0	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	45.7	-2.66%	0.7	86,178	943.1	5,479	8.3	124.4	25.4%	Link
BSR	Dầu khí	23.5	-2.29%	–	117,672	144.3	5,584	4.2	–	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	26.6	-1.12%	0.9	16,324	64.6	3,417	7.8	52.3	14.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.0	0.00%	0.9	31,555	173.1	1,054	21.8	–	34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	19.6	0.00%	1.1	58,660	398.9	1,554	12.6	–	29.8%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	18.9	0.00%	0.9	21,777	79.9	1,249	15.1	–	14.2%	Link
DCM	Hóa chất	30.1	+0.84%	0.9	15,961	29.6	5,132	5.9	53.3	7.1%	Link
DGC	Hóa chất	31.4	-1.42%	0.9	11,906	7.6	4,883	6.4	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.1	-0.99%	0.6	116,379	204.2	2,773	7.2	27.1	21.9%	Link
BID	Ngân hàng	30.6	+0.49%	1.0	237,625	74.0	4,524	6.8	–	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	30.0	-1.64%	1.0	233,008	210.6	5,479	5.5	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	22.1	-0.45%	1.0	144,127	317.1	2,932	7.5	32.7	19.3%	Link
MBB	Ngân hàng	18.7	-0.53%	0.9	188,286	164.1	3,507	5.3	32.4	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	16.6	+0.30%	0.7	61,963	339.9	1,673	9.9	14.0	5.8%	Link
STB	Ngân hàng	69.0	-1.71%	0.5	130,080	102.7	809	85.3	–	10.0%	Link
TCB	Ngân hàng	20.6	-0.72%	1.0	218,965	233.3	2,694	7.7	43.5	20.8%	Link
TPB	Ngân hàng	12.3	0.00%	0.9	39,398	109.6	2,649	4.7	–	21.9%	Link
VCB	Ngân hàng	50.8	0.00%	0.7	424,468	267.5	4,986	10.2	–	19.7%	Link
VIB	Ngân hàng	13.5	+0.37%	0.7	50,428	157.4	2,070	6.5	23.0	4.1%	Link
VPB	Ngân hàng	20.9	-0.48%	1.0	209,000	350.8	3,118	6.7	36.5	22.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.8	+0.90%	0.7	7,220	38.2	2,348	7.1	28.8	1.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	70.1	-0.85%	0.9	102,372	200.4	6,243	11.2	100.4	25.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	51.1	-1.73%	0.5	106,797	158.7	5,455	9.4	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	20.4	0.00%	0.8	172,659	315.3	3,251	6.3	32.2	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.3	+0.49%	0.8	8,355	28.7	772	13.4	14.3	3.2%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	40.0	0.00%	1.0	8,934	18.9	4,269	9.4	28.8%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	149.4	+0.54%	0.8	26,715	39.3	7,598	19.7	34.0%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	57.9	-2.85%	0.9	42,980	44.8	4,560	12.7	27.6%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.1	0.00%	0.9	8,526	58.0	776	13.0	3.1%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	11.1	-0.45%	0.9	14,076	93.7	92	121.2	15.7%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	12.5	-2.34%	0.9	2,871	23.9	690	18.1	1.3%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	34.2	0.00%	0.9	14,277	25.8	4,365	7.8	15.2%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	23.2	-2.11%	0.9	11,254	20.0	1,026	22.6	35.0%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	43.8	-2.78%	0.9	10,592	10.9	5,778	7.6	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	19.1	0.00%	1.0	3,438	9.9	891	21.4	1.2%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	13.2	-0.75%	1.0	13,294	96.0	793	16.7	10.2%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	240.0	-2.04%	1.6	1,862,925	430.4	5,557	43.2	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	23.5	-1.47%	1.6	53,399	52.6	3,255	7.2	10.9%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	16.4	-2.67%	1.0	3,819	4.0	1,687	9.7	35.2%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	137.2	-0.72%	0.6	105,520	117.2	2,866	47.9	5.3%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	30.9	+0.49%	1.0	40,046	48.2	3,022	10.2	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	15.7	0.00%	0.9	14,519	430.2	976	16.0	8.0%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	18.3	-0.81%	1.0	6,971	13.4	1,054	17.4	24.6%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.5	0.00%	1.1	15,514	39.7	1,562	9.9	0.3%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.2	+1.50%	1.1	26,497	196.6	762	26.6	5.5%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.2	0.00%	0.8	33,246	187.9	4,184	12.2	37.4%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.3	+0.43%	0.5	8,882	9.4	6,594	7.0	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.5	-2.63%	0.9	9,563	77.1	2,977	6.2	15.3%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	41.6	-0.36%	0.7	8,409	11.7	2,174	19.2	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	13.8	+0.73%	1.0	7,062	73.9	3,302	4.2	23.7%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.9	+1.70%	0.7	1,759	14.4	1,741	8.6	48.0%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.8	0.00%	0.7	2,163	6.9	3,692	4.5	22.1%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	18.6	+0.82%	0.8	12,613	20.8	2,320	8.0	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	27.4	+0.74%	1.5	109,600	14.8	2,111	13.0	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	15.8	-0.63%	1.0	29,431	145.1	103	153.9	0.8%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	34.2	-2.29%	0.8	102,165	3,575.0	4,048	8.4	1.5%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.9	+3.20%	0.5	27,849	41.0	2,365	5.5	1.1%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.6	-0.47%	0.7	32,309	2.5	1,482	7.1	18.8%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.2	-0.31%	1.0	4,313	6.1	2,961	5.5	1.6%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.9	-0.64%	0.5	12,761	146.8	251	123.1	3.2%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.8	-0.58%	0.5	54,830	12.4	3,623	11.8	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	51.2	+0.39%	0.7	10,724	9.4	5,503	9.3	17.4%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.3	+2.07%	0.7	6,056	53.2	494	24.9	5.3%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	128.0	-0.08%	0.2	10,478	5.7	15,292	8.4	81.7%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	72.6	+2.98%	0.8	8,118	62.8	7,145	10.2	48.8%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	57.3	-0.87%	0.8	7,341	13.7	5,223	11.0	5.3%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	32.2	+1.90%	0.8	3,819	15.6	3,735	8.6	18.4%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.3	-0.32%	0.8	5,337	18.4	1,241	7.5	10.3%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.5	-0.30%	0.6	7,804	6.2	2,352	7.0	8.1%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	14.8	-0.67%	0.6	10,333	29.3	1,607	9.2	1.9%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	38.1	+2.14%	0.9	17,082	10.5	4,003	9.5	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.3	-0.86%	1.1	167,217	56.6	6,110	11.3	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.6	-0.60%	0.8	6,776	38.7	1,999	8.3	15.7%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.6	+1.12%	0.8	41,569	204.8	2,353	5.8	4.8%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	47.3	+0.21%	0.4	29,487	37.6	4,420	10.7	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 11.2026: Cập nhật thông tin liên quan hoạt động cổ phần hóa thoái vốn DNNN giai đoạn 2026-2030	x		Xem
2	BSC Navigator | 10.2026: Hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP hơn 12% trong quý 4/2026	x		Xem
3	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
4	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
5	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
6	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Xem
7	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
8	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
9	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
10	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
11	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
12	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
13	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
14	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
16	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
17	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
18	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
19	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
20	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
21	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
22	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
23	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
24	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn